

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000326

Trang : 1/2

Môn học: **Kỹ thuật lạnh ứng dụng (228032) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/08/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-26**

Số SV có mặt: **21**...

Số bài thi: **21**...

Số tờ giấy thi: **21**...

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Khoa Trọng	Cán bộ coi thi 2 Lê Thị Mỹ Nhung	G.Viên chấm thi 1 Vũ Đình Nhung	G.Viên chấm thi 2 Đỗ Quang Huy
---	---	--	---------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180001	NGUYỄN THÀNH AN	02/01/2002	CCQ2018A		1		7,2	5,0	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120180076	NGUYỄN QUỐC BẢO	18/03/2002	CCQ2018C		1		5,7	9,0	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120180078	NGÔ ĐỨC CƯỜNG	23/09/1998	CCQ2018C		1		7,7	7,0	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120180008	NGUYỄN HỮU ĐẠT	12/10/2002	CCQ2018A		1		6,8	6,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120180009	PHẠM THÀNH ĐẠT	12/08/2002	CCQ2018A		1		6,0	7,0	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120180041	TRẦN TÍN ĐẠT	12/04/2002	CCQ2018B		1		4,7	6,0	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120180012	NGUYỄN VĂN HẬU	23/08/2001	CCQ2018A		1		6,3	5,5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120180014	BÙI TRÍ HIỆP	19/10/2000	CCQ2018A		1		6,7	4,0	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120180044	TRẦN QUANG HIẾU	04/02/2002	CCQ2018B		1		7,0	6,0	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120180052	LÊ PHI LUÂN	08/07/2002	CCQ2018B		1		5,8	3,0	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120180053	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	11/09/2002	CCQ2018B		1		5,7	5,0	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120180017	HÀ HOÀI NAM	16/04/2002	CCQ2018A		1		7,5	5,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120180019	TẠ TRUNG NGUYỄN	06/04/2002	CCQ2018A		1		6,7	6,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120180020	NGUYỄN KHẮC NHÂM	28/09/2002	CCQ2018A		1		7,7	6,0	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120180022	HỒ TRUNG NHẬT	20/08/2002	CCQ2018A		1		6,7	5,0	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120180060	LÊ VĂN SANG	19/05/2001	CCQ2018B		1		4,3	5,0	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120180062	NGUYỄN NHỰT TÂM	27/10/2000	CCQ2018B		1		4,7	5,0	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120180063	HUYỀN VĂN THÍCH	26/03/2002	CCQ2018B		1		4,7	6,5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120170211	NGUYỄN VĂN TRỊ	02/10/2001	CCQ2018C		1		6,7	8,0	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120180065	NGUYỄN TẤN TRỌNG	03/10/2002	CCQ2018B		1		5,5	4,5	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Kỹ thuật lạnh ứng dụng (228032) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/08/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-26**

Mã nhận dạng: 000326

Trang : 2/2

Số SV có mặt: 21.....

Số bài thi: 21.....

Số tờ giấy thi: 21.....

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Ngọc Trung	Cán bộ coi thi 2 Lê Thị Ngọc Nhung	G.Viên chấm thi 1 Đ.Đ.Đ.Đ.Đ.	G.Viên chấm thi 2 Đ.Đ.Đ.Đ.Đ.
---	---	-------------------------------------	-------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119180040	PHAN THANH TÚ	01/01/2000	CCQ1918A		1		6,3	3,5	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)